

Bản án số: 304/2018/DS-PT

Ngày: 22/3/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng ủy quyền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Các thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn
Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19/3/2018 và ngày 22/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1153/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 539/2018/QĐPT-DS ngày 08/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1255/2018/QĐ-PT ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đặng Đình T**, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số 103/3 đường X, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị Ngọc Y**, sinh năm: 1949

Địa chỉ: Số 423/14 đường X1, Phường Y1, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc Trúc L – là đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2017) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn ông **Đặng Đình T** trình bày: Vào ngày 02/02/2012 giữa ông và bà **Đặng Thị Ngọc Y** có thực hiện hợp đồng ủy quyền số 01868 tại Phòng Công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung ông **Đặng Đình T** là người đại diện hợp pháp cho bà **Đặng Thị Ngọc Y** tham gia tố tụng trong vụ kiện dân sự đòi nhà cho ở nhờ được Tòa án nhân dân quận X1, Thành phố Hồ

Chí Minh thụ lý số 278/2011/TLST-DS ngày 05/12/2011 và ngày 06/02/2012 ông T và bà Y ký bản cam kết (có người làm chứng) trả thù lao cho việc ủy quyền trên là 600.000.000 đồng.

Quá trình làm đại diện cho bà Y, ông T đã lên tòa ghi tự khai, nộp tài liệu. Khoảng 06 tháng sau, vụ án có quyết định tạm đình chỉ với lý do chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán nhà giữa nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông bà Trần Đại Q và Trần Lê Diễm H2 do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 398/2011/TLST-DS ngày 10/11/2011 mà bà Y là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trên. Trong thời gian hồ sơ tạm đình chỉ ông T và bà Y có thỏa thuận miệng với nhau, thời hạn 01 năm không có tiến triển gì thì ngưng hợp đồng ủy quyền. Và theo yêu cầu của bà Y ông đã nhận lời làm đại diện theo ủy quyền cho ông L1, bà L2, bà Y và hai người con gái của bà Y trong vụ án thụ lý số 398/2011/TLST-DS ngày 10/11/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mà không nhận thù lao vì ông nghĩ đã nhận thù lao trọn gói đối với việc ủy quyền của bà Y ngày 02/02/2012. Khi làm đại diện theo ủy quyền cho ông L1, bà L2, bà Y, bà H, bà H1 (trong vụ án dân sự 398/2011/TLST-DS ngày 10/11/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) giữa ông và những người ông làm đại diện không có bất kỳ cam kết nào liên quan đến thù lao cho việc ủy quyền.

Ngày 27/01/2016 em ruột bà Y từ Pháp về Việt Nam họp gia đình có mời ông T đến yêu cầu thông báo về tiến độ giải quyết vụ kiện “Đòi nhà cho ở nhờ” và thông báo cho ông T biết ông L đã rút một yêu cầu khởi kiện. Khi đó, ông T đề nghị được nhận thù lao là 550.000.000 đồng nhưng gia đình bà Y không đồng ý với lý do ông không hoàn thành công việc như đã thỏa thuận và đề nghị trả cho ông 15.000.000 đồng nhưng ông không đồng ý. Ngày 18/02/2016 ông T nhận được thư từ bưu điện do bà Y gửi với nội dung đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền số 01868 ngày 02/02/2012 và bản cam kết trả thù lao cho việc ủy quyền.

Ngày 05/8/2016 ông nhận được quyết định đình chỉ số 766/2016/QĐST-DS ngày 27/7/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ án số 398/2011/TLST-DS ngày 10/11/2011 mà ông là người đại diện theo ủy quyền cho ông L1, bà L2 và hai người con gái của bà Y. Ông đã giao quyết định trên cho Tòa án nhân dân quận Z1 để tiếp tục giải quyết vụ án số 278/2011/TLST-DS ngày 05/12/2011.

Ngày 24/8/2016 bà Y tự nguyện lên Tòa án nhân dân quận Z1 rút đơn khởi kiện mà không thông báo cho ông T biết.

Nay bà Đặng Thị Ngọc Y đã nhận được nhà số 06 đường X2, Phường Y2, quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh nên ông Đặng Đình T yêu cầu được nhận thù lao theo bản cam kết đã ký ngày 06/02/2012 giữa ông và bà Y với số tiền là 600.000.000 đồng.

** Bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Y ủy quyền cho ông Trần Ngọc Trúc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Mỹ H và Nguyễn Mỹ H1 cùng ủy quyền cho ông Trần Ngọc Trúc L trình bày: Bà Y thừa nhận giữa bà và*

ông Đặng Đình T có ký thỏa thuận ủy quyền số 01868 ngày 02/02/2012 và văn bản cam kết trả thù lao ủy quyền ngày 06/02/2012 đúng như lời khai của ông T.

Tuy nhiên, theo như nội dung bản cam kết nếu quá 01 năm mà vụ việc không có kết quả, không tiến triển gì thì bên bà Y có quyền yêu cầu thanh lý hợp đồng ủy quyền và bản cam kết, thực tế ông T không giải quyết được vụ án như đã cam kết, vụ án tranh chấp đòi nhà số 6 đường X2, Phường Y2, quận Z1 kéo dài. Từ thời điểm ký kết hợp đồng ủy quyền và bản cam kết vào năm 2012 đến cuối năm 2015, vụ việc vẫn không có kết quả. Nhận thấy quá mất thời gian và công sức các thành viên trong gia đình bà Y đã tự thỏa thuận, giải quyết với nhau. Ngày 27/01/2016 bà Y đã mời ông T đến để giải quyết việc thanh lý hợp đồng ủy quyền và bản cam kết, ông T có đến và yêu cầu thanh toán thù lao là 550.000.000 đồng. Nhận thấy yêu cầu của ông T không hợp lý ngày 18/02/2016 bà Y đã gửi thư thanh lý chấm dứt hợp đồng ủy quyền và cam kết...việc giải quyết tranh chấp căn nhà số 06 đường X2, Phường Y2, quận Z1 đến ông Đặng Đình T.

Không có sự thỏa thuận miệng giữa ông T và bà Y về việc yêu cầu ông T làm đại diện ủy quyền cho ông L1, bà L2, bà Y và hai người con của bà Y như lời ông T khai mà ông T là người đề nghị được làm đại diện ủy quyền tham gia vụ kiện số 398/2011/TLST-DS ngày 10/11/2011 do Tòa dân sự - Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý để biết sự việc.

Bà Đặng Thị Ngọc Y không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đặng Đình T. Bà đồng ý hỗ trợ tiền xăng, công đi lại cho ông T trong vụ án bà ủy quyền là 15.000.000 đồng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1153/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình T yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc Y trả 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng theo cam kết ngày 06/02/2012.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Ngọc Y hỗ trợ cho ông Đặng Đình T 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Đình T phải nộp 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T đã đóng 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08626 ngày 26/9/2016 tại Chi cục Thi hành án quận Z1, nay còn phải đóng thêm 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tại Chi cục Thi hành án quận Z1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc bà Y đơn phương hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và yêu cầu bà Y phải trả cho ông T 600.000.000 đồng tiền thù lao ủy quyền theo Bản cam kết ngày 06/2/2012.

- Ý kiến của bị đơn: Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghị đề nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ Bản cam kết ngày 6/02/2012 phát sinh từ hợp đồng ủy quyền ngày 02/2/2012 thì công việc ủy quyền thực hiện trong 01 năm, không quy định cụ thể từng giai đoạn cụ thể phải thực hiện tương ứng với thù lao bao nhiêu tiền, ông T thực hiện công việc không đúng thời gian thỏa thuận và công việc cũng không có kết quả nên bà Y chấm dứt hợp đồng ủy quyền và không trả phí cho ông T 600.000.000 đồng là đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn tự nguyện hỗ trợ thêm cho ông T 10.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân quận Z1 xét xử sơ thẩm vào ngày 24/11/2017, đến ngày 28/11/2017, ông Đặng Đình T có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, kháng cáo trong thời hạn luật định.[1]

- Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều có mặt, căn cứ Điều 294 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án

- Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Đặng Đình T yêu cầu buộc bà Đặng Thị Ngọc Y phải thanh toán tiền thù lao ủy quyền là 600.000.000 đồng căn cứ vào Bản cam kết ngày 06/02/2012, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Nguyên đơn là ông Đặng Đình T và bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Y đều xác định vào ngày 02/02/2012 giữa hai bên có ký kết Hợp đồng ủy quyền số 01868 tại Phòng công chứng số 5, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản cam kết thanh toán chi phí ủy quyền có điều kiện ngày 06/02/2012 để thực hiện việc khởi kiện tại

Tòa án nhân dân quận Z1 là giao dịch dân sự có điều kiện được quy định tại Điều 125 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền số 01868 ngày 02/02/2012 xác định ông Đặng Đình T là đại diện theo ủy quyền cho bà Đặng Thị Ngọc Y không có thù lao ủy quyền. Tại Bản cam kết ngày 06/02/2012 phát sinh từ hợp đồng ủy quyền số 01868 ngày 02/02/2012, thể hiện sự thỏa thuận công việc đại diện ủy quyền của ông T cụ thể về kết quả công việc, điều kiện về thời gian thực hiện là 01 năm kể từ ngày lập cam kết nhưng không thể hiện đôi bên có sự thỏa thuận về tiến độ giải quyết công việc và phải thực hiện việc thanh toán tiền theo tiến độ mà chỉ thể hiện thanh toán một lần khi công việc có kết quả trong thời hạn một năm. Do đó, Bản cam kết này được xem là phụ lục hợp đồng không thể tách rời của hợp đồng ủy quyền nêu trên, có giá trị pháp lý.

Căn cứ vào Bản cam kết này 06/02/2012 do ông T và bà Y đã ký kết về việc ông T đại diện theo ủy quyền của bà Y giải quyết vụ án tranh chấp căn nhà số 6 đường X2, Phường Y2, quận Z1 (gọi tắt là tranh chấp nhà) ghi tại Điều 3: *“Khi có các giấy tờ liên quan thể hiện đã giải quyết việc tranh chấp nhà số 6 X2, Phường Y2, quận Z1 xong chừng nào bên A (bà Y) nhận chìa khóa nhà, các giấy tờ liên quan (bản chính) sẽ trả cho bên B (ông T) số tiền chi phí 600.000.000 đồng để thanh lý hợp đồng ủy quyền nói trên, bản cam kết này...nếu quá một năm mà vụ việc không có kết quả, không có tiến triển gì thì bên A có quyền yêu cầu thanh lý hợp đồng ủy quyền và bản cam kết này”*. Xác định, ông T nhận tiền thù lao 600.000.000 đồng khi bà Y nhận được nhà và các giấy tờ thể hiện đã giải quyết xong vụ kiện trong thời hạn 01 năm kể từ thời điểm ký cam kết. Tuy nhiên, vụ án tranh chấp nhà do bà Y ủy quyền cho ông T làm đại diện nói trên đến tháng 01/2016 vẫn chưa có kết quả giải quyết xong. Như vậy, ông T đã vi phạm thỏa thuận về thời gian thực hiện công việc vì ông T thực hiện công việc từ tháng 02/2012 đến tháng 1/2016 là hơn 03 năm nhưng vẫn chưa có kết quả giải quyết xong vụ án nên việc bà Y đơn phương yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền đối với ông T là hoàn toàn do lỗi của ông T như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định là có cơ sở, đúng pháp luật.

Ngoài ra, ông T kháng cáo cho rằng ông có làm đại diện theo ủy quyền cho ông L1, bà L2, bà Y, bà H và bà H1 tại vụ án được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 398/DSST ngày 10/11/2011 chi phí ủy quyền của vụ án này tính chung với chi phí vụ án đòi nhà do bà Y ủy quyền nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa ông và những người mà ông làm đại diện theo ủy quyền có thỏa thuận về chi phí ủy quyền được tính chung với chi phí của bản cam kết ngày 06/02/2012 và bà Y cũng không thừa nhận trình bày của ông T nên không có căn cứ chấp nhận. Ông T yêu cầu đưa bà H2 chủ sở hữu nhà vào tham tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, xét thấy yêu cầu này của ông T không có căn cứ vì ông T khởi kiện tranh chấp hợp đồng ủy quyền ngày 02/02/2012, tại hợp đồng ủy quyền thể hiện bên ủy quyền là bà Đặng Thị Ngọc Y và bên nhận ủy quyền là ông Đặng Đình T, ngoài ra không có tên bà H2 tham gia trong hợp đồng ủy quyền này nên bà H2 không liên quan gì trong vụ án tranh chấp giữa ông T và Bà Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Ngọc Trúc L là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Y tự nguyện hỗ trợ thêm cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ghi nhận số tiền bà Y hỗ trợ cho ông T tổng cộng là 25.000.000 đồng, bà Y không phải đóng tiền án phí đối với số tiền bà Y tự nguyện hỗ trợ cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn ông Đặng Đình T, sửa bản án dân sự sơ thẩm (do có tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa không phải lỗi của Tòa án cấp sơ thẩm).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Tại thời điểm xét xử phúc thẩm ông Đặng Đình T (sinh ngày 20/3/1958) thuộc trường hợp miễn giảm án phí quy định Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 125, Điều 581, Điều 585, Điều 587, Điều 588 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều 148, Điều 273, Điều 294, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

- Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Điều 6,7,9,30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của nguyên đơn ông Đặng Đình T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 1153/2017/DS-ST ngày 24/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Đình T yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc Y trả 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng theo cam kết ngày 06/02/2012.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng Thị Ngọc Y hỗ trợ cho ông Đặng Đình T 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

2.Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông T số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008626 ngày 26/9/2016 tại Chi cục Thi hành án quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Đình T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Đặng Đình T số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đương sự đã nộp theo biên lai thu số 09249 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Z1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Z1;
- Chi cục THADS quận Z1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Châu